TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST

Ngày: 19/4/2019

V/v "tranh chấp hợp đồng vay và góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA – TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Cao Văn Bé;

2/ Ông Bùi Mạnh Quyết

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Quy- Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay và góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-DS, ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm: 1957. Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (*có mặt*)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1966 và ông Phạm Văn H, sinh năm: 1959. Cùng địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (*bà T2 có mặt, ông H vắng mặt*)

Người làm chứng:

1. NLC1. (vắng mặt)
2. NLC2. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị T1 trình bày: Bà T1 có chơi 02 dây hụi do bà Nguyễn Thị T2 làm chủ, hụi mở ngày 30/6/2016 dương lịch, hụi 1.000.000đ, một tháng khui một lần, hụi đầu thảo, gồm

28 phần chơi. Bà T1 tham gia chơi 04 phần, bà T1 đóng được 20 lần thì hụi bể. Hàng tháng tiền hụi bà T2 đi gom tại nhà bà, mỗi lần giao tiền không lập giấy tờ gì, số tiền các hụi viên khác bỏ và đóng mỗi kỳ bà tự theo dõi và ghi lại. Bà T1 đã đóng tổng cộng số tiền là 51.320.000 đồng gồm các lần đóng hụi như sau:

- Tháng 6/2016 hụi bỏ 300.000đ, đóng 700.000đ.
- Tháng 7/2016 hụi bỏ 200.000đ, đóng 800.000đ.
- Tháng 8/2016 hụi bỏ 300.000đ, đóng 700.000đ.
- Tháng 9/2016 hụi bỏ 370.000đ, đóng 630.000đ.
- Tháng 10/2016 hụi bỏ 400.000đ, đóng 600.000đ.
- Tháng 11/2016 hụi bỏ 350.000đ, đóng 650.000đ.
- Tháng 12/2016 hụi bỏ 400.000đ, đóng 600.000đ.
- Tháng 01/2017 hụi bỏ 400.000đ, đóng 600.000đ.
- Tháng 02/2017 hụi bỏ 450.000đ, đóng 550.000đ.
- Tháng 3/2017 hụi bỏ 500.000đ, đóng 500.000đ.
- Tháng 4/2017 hụi bỏ 200.000đ, đóng 800.000đ.
- Tháng 5/2017 hụi bỏ 500.000đ, đóng 500.000đ.
- Tháng 6/2017 hụi bỏ 500.000đ, đóng 500.000đ.
- Tháng 6/2017 (nhuần) hụi bỏ 450.000đ, đóng 550.000đ.
- Tháng 7/2017 hụi bỏ 400.000đ, đóng 600.000đ.
- Tháng 8/2017 hụi bỏ 400.000đ, đóng 600.000đ.
- Tháng 9/2017 hụi bỏ 420.000đ, đóng 580.000đ.
- Tháng 10/2017 hụi bỏ 430.000đ, đóng 570.000đ.
- Tháng 11/2017 hụi bỏ 450.000đ, đóng 550.000đ.
- Tháng 12/2017 hụi bỏ 750.000đ, đóng 250.000đ.

Đến ngày 30/12/2017 (âm lịch), bà đi bỏ phiêu hụi thì các hụi viên khác không cho bỏ vì nói bà đã hốt hụi rồi. Bà hỏi thì bà T2 nói đã bỏ phiêu hụi và hốt 04 phần hụi của bà được số tiền là 80.000.000 đồng và bà T2 mượn số tiền này của bà. Do đó, con gái bà mới viết giấy tay có nội dung "*Phạm Văn H (1.000.000) có làm chủ hụi ngày 30-6-2016 4 phần hụi 20 người chết Có mượn bà T1 4 phần hụi 80.000.000 tám chục triệu Người nhận.... Đến ngày 30-12-2017 ngưng*". Bà T2 là người viết tên Nguyễn Thị T2 trong giấy tay này. Kể từ tháng 01/2018 hụi bể nên bà T2 không gom hụi và bà không còn đóng tiền hụi cho bà T2 cho đến nay. Do đó, bà xác định bà T2 mượn bà số tiền hụi là 80.000.000 đồng, bà khởi kiện yêu cầu bà T2, ông H trả lại cho bà số tiền là 80.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà T1 còn chơi hụi do bà T2 làm chủ hụi như sau: hụi mở ngày 15/10/2016 âm lịch, hụi 1.000.000đ, một tháng khui một lần, hụi huê hồng, gồm 40

phần chơi. Bà T1 tham gia chơi 02 phần, bà T1 đóng được 15 lần thì hụi bể. Bà T1 đã đóng như sau:

- Tháng 10/2016 hụi bỏ 300.000đ, đóng 700.000đ.
- Tháng 11/2016 hụi bỏ 300.000đ, đóng 700.000đ.
- Tháng 12/2016 hụi bỏ 400.000đ, đóng 600.000đ.
- Tháng 01/2017 hụi bỏ 350.000đ, đóng 650.000đ.
- Tháng 02/2017 hụi bỏ 400.000đ, đóng 600.000đ.
- Tháng 3/2017 hụi bỏ 200.000đ, đóng 800.000đ.
- Tháng 4/2017 hụi bỏ 400.000đ, đóng 600.000đ.
- Tháng 5/2017 hụi bỏ 300.000đ, đóng 700.000đ.
- Tháng 6/2017 hụi bỏ 300.000đ, đóng 700.000đ.
- Tháng 7/2017 hụi bỏ 350.000đ, đóng 650.000đ.
- Tháng 8/2017 hụi bỏ 400.000đ, đóng 600.000đ.
- Tháng 9/2017 hụi bỏ 450.000đ, đóng 550.000đ.
- Tháng 10/2017 hụi bỏ 400.000đ, đóng 600.000đ.
- Tháng 11/2017 hụi bỏ 450.000đ, đóng 550.000đ.
- Tháng 12/2017 hụi bỏ 500.000đ, đóng 500.000đ.

Tổng cộng bà T1 đã đóng là 9.500.000đ x 2 phần = 19.000.000đ. Do trước đây bà T1 cộng tiền bị nhầm là 19.200.000đ nhưng nay tính đúng lại chỉ yêu cầu 19.000.000 đồng.

Bà T1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T2 trả số tiền còn nợ bà T1 là 80.000.000 đồng + 19.000.000 đồng = 99.000.000 đồng. Bà thống nhất với Kết luận giám định số 648/2018/KLGĐ ngày 25/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Long An.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà thừa nhận bà T1 có chơi 03 dây hụi, 06 phần hụi như bà T1 trình bày. Dây hụi khui ngày 30/6/2016, bà T1 chơi 04 phần, hụi khui được 19 phần thì bể hụi, bà T1 đã đóng được tổng số tiền là 51.320.000 đồng. Bà T1 chưa bỏ phiêu hốt hụi thì hụi bể nên bà chỉ đồng ý trả lại bà T1 số tiền đã đóng là 51.320.000 đồng. Bà cũng không bỏ phiêu để hốt 04 phần hụi của bà T1. Về chữ viết tên Nguyễn Thị T2 trong giấy tay có nội dung "*Phạm Văn H (1.000.000) có làm chủ hụi ngày 30-6-2016 4 phần hụi 20 người chết Có mượn bà T1 4 phần hụi 80.000.000 tám chục triệu Người nhận.... Đến ngày 30-12-2017 ngưng*" không phải của bà, bà không đồng ý với Kết luận giám định số 648/2018/KLGĐ ngày 25/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Long An. Tuy nhiên, bà không yêu cầu giám định lại.

Dây hụi khui ngày 15/10/2016, hụi khui được 15 lần thì bể hụi, bà T1 đã đóng được tổng số tiền là 19.000.000 đồng. Bà đồng ý trả lại cho bà T1 số tiền là 19.000.000 đồng

Các dây hụi nêu trên đều bị bể hụi, do đó nay bà T1 yêu cầu bà trả số tiền hụi là 99.000.000 đồng bà không đồng ý mà bà chỉ đồng ý trả cho bà T1 tổng số tiền bà T1 đã đóng là 70.320.000 đồng. Hụi do bà là chủ thảo, chồng bà là ông H không tham gia chơi hụi, không biết nên bà đồng ý cá nhân bà trả cho bà T1 70.320.000 đồng, bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 29/3/2019, bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Hụi giữa bà T1 và bà T2 ông không biết gì hết, không có liên quan và không có trách nhiệm.

Toà án đã tiến hành hòa giải để các bên tự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Tại phiên tòa, ông H vắng mặt, các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng nào để xem xét. Bà T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà T2 đồng ý trả cho bà T1 số tiền bà T1 đã đóng là 70.320.000 đồng. Bà T2 không đồng ý liên đới cùng ông H trả. Đồng thời bà T2 xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An: Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý, hòa giải, công bố chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng, thời hạn giao hồ sơ cho Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Trần Thị T1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 và ông Phạm Văn H trả số tiền hụi 99.000.000đ phát sinh từ hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản. Đây là các tranh chấp về hợp đồng dân sự chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự 2015 nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bà T2 và ông H cư trú tại ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An, nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] *Về nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T1, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy*:

Đối với số tiền vay 80.000.000đ: Bà T1 và bà T2 thống nhất vào ngày 30/6/2016 dương lịch bà T2 và bà T1 có xác lập hợp đồng góp hụi 1.000.000đ, bà T2 làm chủ hụi, một tháng khui một lần, hụi đầu thảo, gồm 28 phần. Bà T1 tham gia chơi 04 phần, bà T1 đóng được 20 lần thì hụi bể. Tại phiên tòa bà T2 cho rằng bà không hốt hụi dùm bà T1 và không mượn bà T1 số tiền hụi đã hốt nhưng tại giấy viết tay do bà T1 cung cấp có nội dung "*Phạm Văn H (1.000.000) có làm chủ hụi ngày 30-6-2016 4 phần hụi 20 người chết Có mượn bà T1 4 phần hụi 80.000.000 tám chục triệu Người nhận: Nguyễn Thị T2 Đến ngày 30-12-2017 ngưng*". Tại Kết luận giám định số 648/2018/KLGĐ ngày 25/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Long An kết luận chữ viết Nguyễn Thị T2 trong giấy viết tay do bà T1 cung cấp và chữ viết Nguyễn Thị T2 do Tòa án thu thập do bà T2 trực tiếp viết là của cùng một người viết ra. Bà T2 không đồng ý với kết luận giám định nhưng không yêu cầu giám định lại và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình nên HĐXX căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại giấy viết tay có nội dung rõ ràng bà T2 có mượn bà T1 số tiền 80.000.000đ của 04 phần hụi dây hụi ngày 30/6/2016 do bà T2 ký nhận nên lời trình bày của bà T1 cho rằng bà T2 đã tự hốt 04 phần hụi và mượn số tiền 80.000.000đ của bà T1 là có cơ sở và phù hợp với lời trình bày của hai người làm chứng NLC1 và NLC2 là hụi viên trong dây hụi khui ngày 30/6/2016 do bà T2 làm chủ hụi tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2019 là hai bà xác định bà T2 đã hốt hụi của bà T1. Mặc dù khi cho mượn tiền không hẹn ngày trả nhưng bà T2 thống nhất giải quyết trong vụ án này. Bà T1 thông báo cho bà T2 trả nợ nhưng bà T2 không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà T1 là phù hợp và được chấp nhận. Buộc bà T2 phải có trách nhiệm trả cho bà T1 số tiền hụi đã mượn là 80.000.000đ. Bà T1 không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền hụi 19.000.000đ: Bà T1 và bà T2 thống nhất vào ngày 15/10/6/2016 (AL) bà Trần Thị T1 với bà Nguyễn Thị T2 có xác lập hợp đồng góp hụi 1.000.000đ/tháng do bà T2 làm chủ hụi, hụi tháng khui một lần, hụi gồm 40 phần, hụi huê hồng. Bà T1 tham gia 02 phần, đóng được 15 kỳ số tiền vốn góp là 19.000.000đ thì hụi ngưng. Tại phiên tòa bà T1 yêu cầu bà T2 có trách nhiệm trả cho bà T1 số tiền vốn góp là 19.000.000đ. Xét thấy bà T1 và bà T2 thống nhất hụi

đã ngưng chủ hụi phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền vốn góp cho các hụi viên khi chưa hốt là phù hợp. Tại phiên tòa bị đơn bà T2 đồng ý trả cho bà T1 số tiền 19.000.000đ nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu buộc ông H và bà T2 chịu trách nhiệm liên đới trả nợ hụi thì thấy tại phiên tòa bà T2 trình bày tiền huê hồng, tiền đầu thảo thu lợi từ việc tổ chức chơi hụi thì bà T2 sử dụng vào mục dích chung sinh hoạt trong gia đình như cho con ăn học và bà T1 trình bày mỗi lần khui hụi tại nhà bà T2 đều có ông H ở nhà nên ông H đã biết bà T2 tổ chức chơi hụi do đó cần buộc ông H phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho bà T1.

Xét lời trình bày xin trả dần mỗi tháng 500.000đ của bà T2 HĐXX nhận thấy: Việc xin trả dần của bà T2 không được bà T1 chấp nhận, mặt khác pháp luật không quy định việc trả dần nên buộc bà T2 và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả một lần số tiền chưa trả là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về chi phí giám định: Do yêu cầu của bà Trần Thị T1 là có căn cứ nên bà Nguyễn Thị T2 và ông Phạm Văn H phải chịu toàn bộ chi phí giám định 3.500.000đ và có trách nhiệm trả lại cho bà T1 do bà T1 đã tạm ứng trước.

Về án phí: Bà T2 và ông H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 26, 35, 39, 147,161,162, 218, 227, 244, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 15, 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP về hụi, họ biêu, phường. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Điều 26 luật thi hành án dân sự.

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T1 đối với bà Nguyễn Thị T2 và ông Phạm Văn H về "tranh chấp hợp đồng vay và góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị T2 và ông Phạm Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T1 số tiền mượn do bà T2 đã hốt hụi của bà T1 là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị T2 và ông Phạm Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T1 số tiền góp hụi là 19.000.000đ (mười chín triệu đồng).

Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị T2 và ông Phạm Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T1 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) do bà T1 đã tạm ứng trước.

Từ ngày bà Trần Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành bản án thì bà Nguyễn Thị T2 và ông Phạm Văn H còn phải liên đới trả thêm tiền lãi theo điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong số tiền còn nợ tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/Về án phí: Buộc bà T2 và ông H phải liên đới chịu 4.950.000đ (bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T1 số tiền 717.000đ tạm ứng án phí bà nộp ngày 16/7/2018 theo biên lai thu số 0003617 và 1.763.000đ bà T1 nộp ngày 14/3/2018 theo biên lai thu số 0003188 tại Chi cục Thi hành án huyện Thủ Thừa.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bà T1 và bà T2 biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thanh Tuấn